

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN S  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST  
Ngày : 10/5/2022  
V/v “*Tranh chấp Ly hôn*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Nam Trung.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Vũ Yến.
2. Ông Nguyễn Văn Cử.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nay Y Sura, Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Việt, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân & gia đình thụ lý số: 22/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 15/4/2022, giữa:

*1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm: 1998. Có mặt.*

*Trú tại: Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.*

*2. Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm: 2000. Vắng mặt.*

*Trú tại: Thôn V, xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn Tòa án nhận ngày 17/02/2022 và quá trình tố tụng nguyên đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi (*Nguyễn Văn S*) và chị Trần Thị T tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 2019; có đăng ký kết hôn vào ngày 01/3/2019 tại Ủy ban nhân dân xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên. Hai chúng tôi chung

sống với nhau được khoảng 03 tháng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, sau đó tôi (S) bỏ về quê ở cho đến nay, không ai quan tâm lo lắng cho nhau đến nay đã hơn 02 năm, không còn sống như vợ chồng nữa, mạnh ai nấy sống.

Vậy tôi viết bản tự khai này yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử cho hai chúng tôi được ly hôn càng sớm càng tốt.

Con chung có 01 cháu Nguyễn Trần Diễm M, sinh ngày 30/4/2019, khi ly hôn tôi giao cháu M cho chị T nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành. Tôi (S) tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2022 cho đến khi cháu trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị T vắng mặt, trong quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng chị T có bản khai được cấp có thẩm quyền chứng thực xin xét xử vắng mặt, tại hồ sơ chị T có bản khai: Về hôn nhân: Chúng tôi là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã S1 vào ngày 01/3/2019. Hai chúng tôi chung sống với nhau được khoảng 03 tháng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn sau đó chồng tôi bỏ về quê ở cho đến nay, không ai quan tâm lo lắng cho nhau đến nay đã hơn 02 năm, không còn sống như vợ chồng, mạnh ai nấy sống. Do công việc ở xa không thể sắp xếp về được. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tôi, tôi cũng đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Con chung có 01 cháu Nguyễn Trần Diễm M, sinh ngày 30/4/2019, khi ly hôn tôi (Trần Thị T) nhận nuôi dưỡng cháu M đến tuổi trưởng thành. Yêu cầu anh Nguyễn Văn S phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2022 cho đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để nguyên đơn và bị đơn đoàn tụ nhưng không thành. Nguyên đơn vẫn mong muốn được ly hôn với bị đơn, Tòa án đã hòa giải cho các đương sự thuận tình ly hôn nhưng do bị đơn T vắng mặt. Vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

*Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị Trần Thị T. Bị đơn T vắng mặt.

Đại diện VKSND phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán và HĐXX, thư ký thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng; Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát cùng cấp và người tham gia tố tụng đúng theo quy định. Nguyên

đơn chấp hành đúng theo quy định về quyền, nghĩa vụ và nội quy phiên tòa. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Việc ông Nguyễn Văn S yêu cầu xin ly hôn là có cơ sở, đề nghị HĐXX xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung giao cháu Nguyễn Trần Diễm M, sinh ngày 30/4/2019 cho chị T chăm sóc và nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành, anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung anh S và chị T không yêu cầu giải quyết nên không xét. Về án phí ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí HN&GD và án phí dân sự theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Trong đơn khởi kiện Tòa án nhận ngày 17/02/2022, nguyên đơn anh Nguyễn Văn S đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú của bị đơn. Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ, do công việc chị T không thể đến Tòa, chị T có bản khai xin được xét xử vắng mặt. Tòa án nhân dân huyện S đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn S và bị đơn chị Trần Thị T tự nguyện tìm hiểu, tự đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên ngày 01/3/2019 là hôn nhân hợp pháp.

Xét: Tại bản tự khai của chị Trần Thị T có xác nhận ngày 31/3/2022 của UBND xã S1 nơi chị T cư trú, chị T thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn không thể hàn gắn, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không còn quan tâm lo lắng cho nhau, thực tế vợ chồng đã sống ly thân hơn 02 năm rồi, chị T cũng đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Xét: Tại bản xác minh ngày 29/4/2022 của Hội phụ nữ xã S1 cũng cho biết chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn S kết hôn với nhau vào đầu năm 2019, sau khi kết hôn về chung sống với nhau được vài tháng thì hai người đã tự bỏ nhau, anh S bỏ về quê sống cho đến nay, hiện hai người không còn chung sống với nhau như vợ chồng. Hiện tại chị T đang đi làm ăn ở xa.

Xét: Tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn anh Nguyễn Văn S và bị đơn chị Trần Thị T không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm lo lắng cho ai. Căn cứ các Điều 51, 53, 56 Luật HN&GD năm 2014 Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn. HĐXX xét cho nguyên đơn anh Nguyễn Văn S được ly hôn với bị đơn chị Trần Thị T.

[3] Về con chung có 01 cháu Nguyễn Trần Diễm M, sinh ngày 30/4/2019, từ khi anh S bỏ đi đến nay cháu M đã ở với chị T ổn định, anh S cũng đồng ý giao cháu cho chị T và anh S tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2022 trở đi cho đến khi phát sinh các điều kiện được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014. HĐXX xét giao cháu Nguyễn Trần Diễm M, sinh ngày 30/4/2019 cho chị Trần Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu trưởng thành là có cơ sở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung không có, đương sự cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 quy định về lệ phí, án phí tòa án, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 107 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 quy định về lệ phí, án phí tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn S.

Tuyên: Xử cho nguyên đơn anh Nguyễn Văn S được ly hôn với bị đơn chị Trần Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Diễm M, sinh ngày 30/4/2019 cho bị đơn chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Nguyên đơn anh Nguyễn Văn S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2022 trở đi cho đến khi phát sinh điều kiện được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình.

Nguyên đơn Nguyễn Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về Tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu nên HĐXX không xét.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án

số 0002710 ngày 23/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Phú Yên và phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ( Án phí cấp dưỡng nuôi con).

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh Phú Yên (01);
- VKSND huyện S (02);
- CC THADS huyện S (01);
- Các đương sự (02);
- UBND xã S1 (01);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Nam Trung**